

## **6.Sơ lược chiến lược về mặt nguồn**

- . Vốn kinh doanh
  - . tài sản cố định
    - . nguyên liệu tồn kho
    - . tiền vốn
  - . tài sản lưu động
    - . tài sản lưu động thường xuyên
    - . tài sản lưu động thời vụ

## **7.Các tư tưởng về nguồn vốn (p1)**

- . chiến lược bảo thủ
  - . vốn tài sản cố định + tài sản thường xuyên + tài sản thời vụ
- . chiến lược linh hoạt
  - . Vốn dài gồm vốn chủ sở hữu và nợ dài
- . tài sản là biểu hiện bằng tiền ở nguồn vốn
- . M&A là xu hướng của chủ nghĩa tư bản tích tụ vốn
- . Nhà nước tăng lãi huy động để giảm huy động vốn bên ngoài
- . vốn ngắn hạn (tài sản lưu động thời vụ) là phương án cho doanh nghiệp đủ uy tín, hỗ trợ tối ưu hóa sử dụng vốn

## **8.Các tư tưởng về nguồn vốn (p2)**

- . chiến lược kết hợp
  - . vay 1 phần ngắn 1 phần dài
  - . tài sản cố định + tài sản lưu động thường xuyên + tài sản lưu động thời vụ

## **9.Các tư tưởng về nguồn vốn (p3)**

- . tài sản lưu động thời vụ có thể dùng vốn ngắn, có thể thừa vốn nhưng có vốn để dùng.
- . nếu không gọi được thì kinh doanh ở quy mô mình có

## **10.Khái niệm các nguồn vốn**

- . Vốn chủ sở hữu
  - . Vốn chủ sở hữu là vốn mình có quyền sở hữu và sử dụng
  - . do cá nhân và người góp đứng đồng chủ sở hữu tạo thành, người góp được hưởng cổ tức

- . lời ăn lỗ chịu, tạo quyền tự chủ kinh doanh
- . Vốn vay
  - . vốn vay là vốn có quyền sử dụng mà không có quyền sở hữu
  - . vốn này tạo áp lực phải trả lãi, trả vốn và trả đúng hạn
  - . vốn vay tạo sự lệ thuộc vào chủ sở hữu, nhưng vốn này mang lại hiệu quả cao

### **11.Các nguồn vốn có thể gọi (p1)**

- . Ngân hàng và các định chế phi ngân hàng
- . quỹ đầu tư, quỹ đầu tư mạo hiểm
- . nhà đầu tư, nhà đầu tư thiên thần
- . cộng đồng, nhà đầu tư đại chúng

### **12.Các nguồn vốn có thể gọi (p2)**

- . từ chính mình
- . cộng đồng nhỏ
- . góp dịch vụ, nghiệp vụ
- . góp vốn từ đối tác kinh doanh (trả chậm, tái cấu trúc nợ,...)
- . chính quyền các cấp

### **13.Các nguyên tắc về kỹ năng gọi vốn**

- . nghiên cứu thật kỹ người góp vốn
- . tìm người giới thiệu đáng tin cậy
- . tuyệt đối kiên nhẫn để tạo sự tin tưởng
- . trong bản thuyết minh phải làm rõ tầm nhìn, lợi thế cạnh tranh, các yếu tố chắc chắn thành công

### **14.Khi nào người ta góp vốn**

- . Doanh nghiệp phải chứng minh được mình đáng tin, nhà đầu tư chỉ góp vốn khi tin
- . lòng tin chính là tín dụng
- . ngân hàng là tổ chức kinh doanh lòng tin

### **15.Sơ đồ lòng tin (p1)**

- . Lòng tin được cấu tạo bởi
  - . năng lực tài chính

- . tài sản đảm bảo
- . pháp lý
- . uy tín
- . mục đích
- . người đảm bảo
- . năng lực tạo lợi nhuận của người được góp vốn
- . môi trường vĩ mô

### **16.Sơ đồ lòng tin (p2)**

- . uy tín có các cấp độ
  - . không bao giờ trả
  - . sẵn lòng trả
  - . mong muốn làm điều đó
  - . kiên quyết trả
- > biểu hiện ở quá khứ, phỏng vấn và dư luận xã hội
- . Một số lớn của hiện tượng bằng bản chất hiện tượng đó

### **17.Sơ đồ lòng tin (p3)**

- . Thẩm định dự án
  - . nhân cách quyết định việc có trả hay không chứ không phải việc thành bại của dự án
  - . tài chính ngoài dự án, tài sản đảm bảo
  - . nghĩa vụ tài chính của các bên